

Bản án số: 22/2021/HS-ST

Ngày: 17 - 6 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Đặng Minh Tuấn

*Thẩm phán:* Ông Vương Hồng Giang.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Dương; Ông Hoàng Gia Huệ;  
Bà Nguyễn Thị Canh.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thúy Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:**  
Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 05/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Tạ Thị H;** tên gọi khác: Không có; sinh ngày 28 tháng 10 năm 1990 tại Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 5, phường GS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán diu; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là công nhân Công ty TNHH Glonics Việt Nam; Con ông Tạ Xuân P, sinh năm 1969; con bà Vũ Thị Hải Y, sinh năm 1972; chồng Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

**2. Vũ Văn K;** tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 09 tháng 5 năm 1997 tại: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT chỗ ở: Xóm TT, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; văn hoá 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là công nhân Công ty TNHH Glonics Việt Nam; con ông: Vũ Văn T, sinh năm 1972; con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2020 cho đến nay. (có mặt)

**3. Nguyễn Tiến H6;** tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 22 tháng 5 năm 1993 tại: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 15, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; văn hoá 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là công nhân Công ty TNHH Glonics Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1968; con bà Trần

Thị Ánh M1, sinh năm 1971; vợ Ngô Thị H1, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2020 đến ngày 09/9/2020. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương. (có mặt)

***Người bào chữa cho các bị cáo do Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên phân công:***

1. Ông Bùi Văn L, Luật sư văn phòng Luật sư TD, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, bào chữa cho bị cáo Tạ Thị H. (có mặt).

2. Ông Nguyễn Công Q, Luật sư văn phòng Luật sư AT - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, bào chữa cho bị cáo Vũ Văn Khá. (có mặt).

3. Ông Nguyễn Đình S, Luật sư văn phòng Luật sư QT - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến H. (có mặt).

***Bị hại:*** Công ty TNHH Glonics Việt Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Sung Kyun J (Quốc tịch Hàn Quốc) - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Soong Yu H, sinh năm 1987.

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh công ty Glonics. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người phiên dịch: Chị Dương Quỳnh N, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 01, phường GS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn HV, thị trấn GB, Huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

***Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Trú tại: Thôn NX, xã VH, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh.

2. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Trú tại: Khu Đ, phường KN, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị Thúy H2, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Trú tại: Xóm GC, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

4. Anh Trương Đỗ Hải Đ, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 5, phường HS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

5. Chị Bò Thị H3, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Trú tại: Xóm ST, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

6. Chị Hứa Thị Th, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Trú tại: Xóm AV, xã CN, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

7. Anh Hoàng Trung T1, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 25, phường PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

8. Chị Vương Thị Hồng N, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 25, phường PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

9. Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Trú tại: Xóm 2, xã PH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

10. Chị Lê Thị V, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Trú tại: Xóm ĐC, xã HN, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

11. Chị Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 15, phường HS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

12. Ông NOH YOUNG S, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Trú tại: Công ty TNHH Glonics Việt Nam - số 903, đường 3-2, phường PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

13. Chị Ngô Thị H5, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 7, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

14. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1969. (có mặt)

Trú tại: Tổ 15, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

15. Anh Tạ Hoàng A, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 4, phường CG, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Công ty TNHH Glonics Việt Nam (gọi tắt là Công ty Glonics) có trụ sở tại phường PX, thành phố TN, là Công ty có 100% vốn Hàn Quốc, người đại diện theo pháp luật là ông Sung Kyun Je - Tổng Giám đốc. Quá trình sản xuất Công ty Glonics nhập và sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào là các loại hạt nhựa nguyên sinh. Công ty Glonics có ký hợp đồng lao động với Tạ Thị H, Vũ Văn K, Nguyễn Tiến H6 và phân công nhiệm vụ công việc, cụ thể như sau:

Tạ Thị H là nhân viên mua hàng của Công ty Glonics được giao nhiệm vụ liên hệ, thỏa thuận mua hạt nhựa nguyên sinh của các Công ty đối tác là nhà cung cấp nguyên liệu trên cơ sở hợp đồng mà Công ty Glonics đã ký kết với các nhà cung cấp, trao đổi về giá cả, khối lượng mua bán, chủng loại hạt nhựa cần mua, thời gian, địa điểm giao hàng, khi được Lãnh đạo Công ty Glonics đồng ý thì làm các thủ tục mở đơn hàng (Purchase Order) trên hệ thống quản lý dữ liệu điện tử của Công ty (gọi là hệ thống SAP), thực hiện việc tập hợp các chứng từ mua bán chuyển cho bộ phận kế toán của Công ty Glonics để thanh toán cho nhà cung cấp.

Vũ Văn K là thủ kho thuộc phòng Mua hàng của Công ty Glonics được giao phụ trách quản lý hạt nhựa nguyên sinh. Trên cơ sở đơn hàng do Tạ Thị H mở trên hệ thống, Vũ Văn K có trách nhiệm ghi chép lịch sử xuất nhập tồn, nhận nguyên liệu thô của nhà cung cấp giao hàng, kiểm tra số lượng, chủng loại hạt nhựa và ký xác nhận vào biên bản giao nhận hàng hóa với nhà cung cấp, sắp xếp và quản lý hạt nhựa tại kho nguyên vật liệu của công ty (thuộc nhà K), sau khi nhận hàng, K chuyển biên bản giao nhận cho bộ phận công nhân SAP tại kho nguyên vật liệu để làm thủ tục xác nhận nhập hàng (GR) nhập số liệu vào đơn hàng do Tạ Thị H đã mở trên hệ thống.

Nguyễn Tiến H6 là Phó phòng phụ trách nguyên vật liệu của xưởng Ép nhựa (Injection), có nhiệm vụ hàng ngày trên cơ sở định mức và kế hoạch sản xuất của Công ty Glonics, tính toán, duyệt lượng nhựa cần sử dụng trong ngày, chỉ đạo công nhân dưới quyền lập bảng kê giao nhận hàng nội bộ trên hệ thống

(tên tiếng Anh là Picking Slip) chuyển cho K. Trên cơ sở thông tin loại hạt nhựa, khối lượng trên phiếu Picking Slip, Khá bàn giao hạt nhựa cho xưởng Ép nhựa và trừ trên hệ thống. Toàn bộ quá trình nhập, xuất hạt nhựa để sử dụng sản xuất được Công ty Gloncis theo dõi quản lý trên phần mềm hệ thống SAP của Công ty; H còn có nhiệm vụ quản lý kho nguyên vật liệu và thành phẩm (kiểm kê tồn kho hàng nguyên vật liệu) tại xưởng sản xuất.

Từ khoảng cuối năm 2018 do định mức quy định nội bộ cao hơn nhu cầu sản xuất thực tế về khối lượng hạt nhựa nguyên sinh cần sử dụng cho mỗi ca sản xuất nên dẫn tới dư thừa nguyên liệu hạt nhựa và được để trong kho của công ty. Nắm bắt được vấn đề dư thừa hạt nhựa nguyên liệu từ quá trình sản xuất và sự thiếu chặt chẽ trong công tác quản lý, lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao H đã nảy sinh ý định lập khống hóa đơn, chứng từ mua bán tương đương với lượng hạt nhựa dư thừa để chiếm đoạt tiền của Công ty Glonics, còn đối với số hạt nhựa dư thừa sẽ tiếp tục đưa vào sản xuất dùng thay thế số hàng đã lập mua khống để duy trì sản xuất, tránh bị phát hiện. Để thực hiện ý định chiếm đoạt tài sản của Công ty Glonics, H đã bàn bạc và thống nhất với K là thủ kho thuộc phòng Mua hàng được giao phụ trách quản lý hạt nhựa nguyên sinh có trách nhiệm ký nhận khống “*Biên bản xác nhận giao hàng*” do H đưa cho hoặc một số đơn hàng không chuyển “*Biên bản xác nhận giao hàng*” thì K chủ động đưa ra thông tin giả về việc đã nhập hàng để các công nhân SAP làm thủ tục xác nhận đã nhập hàng vào đơn hàng khống do H đã mở trên hệ thống quản lý nội bộ SAP của Công ty. H trao đổi với K được thanh toán khoảng 25-30 triệu đồng/01 tấn và sẽ trích chia cho K số tiền từ 07-10 triệu đồng/01 tấn hạt nhựa được thanh toán; H thống nhất với H6 để H6 vẫn duy trì hoạt động sản xuất như bình thường và tiếp tục chuyển gửi số hạt nhựa dư thừa trong quá trình sản xuất cho K quản lý, thông tin về số lượng, chủng loại hạt nhựa dư thừa cho K để K báo lại cho H biết để làm chứng từ khống, đồng thời H thực hiện và ghi nhận có hàng bị lỗi, hỏng để được khấu trừ số nguyên liệu đã nhập vào xưởng sản xuất, qua đó sẽ tăng thêm số lượng hạt nhựa dư thừa chuyển cho K quản lý, không báo cáo hàng ngày về tình hình có hàng nhựa dư thừa từ quá trình sản xuất. H nói cho H6 biết số tiền mỗi tấn nhựa dư thừa được thanh toán khoảng 45-50 triệu đồng, H6 sẽ được hưởng khoảng 20 triệu đồng/01 tấn, đồng thời cũng để H6 không thông báo cho người có trách nhiệm của Công ty biết việc làm của H và Khá.

Để có hóa đơn chứng từ khống thanh toán, H liên hệ với Nguyễn Xuân N (sinh năm 1987, HKTT: Thôn HV, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh) là Giám đốc Công ty TNHH ETF (gọi tắt là Công ty ETF) là Công ty có ký hợp đồng mua bán cung cấp các loại hạt nhựa nguyên sinh cho Công ty Glonics, H nói Lãnh đạo Công ty của H nhờ N cấp khống hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho Công ty Glonics để hợp thức chứng từ đầu vào do Công ty có hạt nhựa dư thừa, nhờ N thiết lập, ghi nhận các trao đổi mua bán qua thư điện tử với Công ty Glonics như có mua bán hàng thật theo thông lệ, sau khi Công ty Glonics chuyển khoản thanh toán thì nhờ N chuyển trả giao lại tiền cho H để H trả lại cho Công ty Glonics. H hứa trả công cho N số tiền 4.000.000đ/01 hóa đơn khống đã được thanh toán và chịu phí nộp thuế VAT 10% theo quy định. H đề nghị N chuyển

ứng một phần tiền trước khi Công ty Glonics chuyển số tiền thanh toán không sau khi hai bên đã xác nhận các đơn hàng (hàng không) qua thư điện tử.

Kết quả điều tra xác định trong thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 6/2019, trên cơ sở đề nghị của H, Công ty ETF đã xuất không 03 hóa đơn GTGT. H đã sử dụng 03 hóa đơn không để lập hồ sơ chứng từ không và đề nghị bộ phận kế toán của Công ty Glonics là chị Bồ Thị H3 – Trưởng phòng kế toán của công ty có nhiệm vụ kiểm soát, duyệt chứng từ làm thủ tục thanh toán. Để báo nhập hạt nhựa không trên hệ thống quản lý SAP của Công ty Glonics, H đã thông tin cho K biết về nội dung đơn hàng, thời gian nhận hàng và K đã 10 lần báo không việc nhập hạt nhựa để các công nhân của bộ phận nhập dữ liệu SAP của Công ty xác nhận việc nhập hàng. Trên cơ sở đó, Công ty Glonics đã duyệt thanh toán và chuyển tiền vào tài khoản cho Công ty ETF theo 02 hóa đơn GTGT không tháng 3 và 4/2019 trị giá **2.139.060.000** đồng (gồm tiền hàng và tiền thuế VAT 10%). Cụ thể:

- Tháng 3: Hóa đơn GTGT số 000037 ngày 28/3/2019, gồm 03 mặt hàng không là các loại hạt nhựa:

+ TPE OR- 3000PCE H/70A: 4.000 kg, giá trị hàng hóa: 796.000.000đ

+ LCP E130L BK210P BLACK: 500kg, giá trị hàng hóa: 101.000.000đ

+ LCP E130L VF3001 NATURAL: 700 kg, giá trị hàng hóa: 145.600.000đ. Tổng giá trị tiền hàng theo hóa đơn (gồm thuế GTGT 10%) là: 1.146.860.000 đồng. Ngày 02/5/2019 Công ty Glonics đã thanh toán chuyển khoản số tiền này vào tài khoản công ty ETF mở tại Ngân hàng Shinhanbank. Trước đó vào các ngày từ ngày 04/3/2019 đến ngày 01/5/2020, N đã ứng tiền và chuyển trước cho H tổng số tiền là 731.000.000đ gồm 604.000.000đ tiền cHển khoản và 127.000.000đ tiền mặt.

- Tháng 4: Hóa đơn GTGT số 000045 ngày 25/4/2019, gồm 02 loại hạt nhựa không:

+ TPE OR- 3000PCE H/70A: 2.000 kg, giá trị hàng hóa: 398.000.000đ

+ PPA GF30% HTV-3H1 9205-BLACK: 2.000 kg, giá trị hàng hóa: 504.000.000đ. Giá trị tiền hàng (bao gồm thuế GTGT 10%) đối với 02 mặt hàng không trên là 992.200.000đ.

Ngày 30/5/2019, Công ty Glonics đã thanh toán chuyển khoản số tiền này vào tài khoản công ty ETF mở tại Ngân hàng Shinhanbank. (Tại hóa đơn này còn có 800 kg hạt nhựa nguyên sinh T465A-TB01 là hạt nhựa Công ty ETF có cung cấp thật cho Công ty Glonics). Vào các ngày 17/5/2019 và 10/6/2019, N đã cHển tiền vào tài khoản cho H tổng số tiền là 200.000.000đ.

- Tháng 5/2019: Hóa đơn số 000051 ngày 29/5/2019 gồm 01 mặt hàng không: PPA GF30% HTV-3H1 9205-BLACK: 1.000kg, trị giá 277.200.000 đồng, hóa đơn này Tạ Thị H đã lập chứng từ đề nghị thanh toán; Tháng 6/2019, Tạ Thị H tiếp tục mở đơn hàng, làm thủ tục nhập không 02 loại hạt nhựa:

+ PC/GF20%HM3022G20 BK (4349B), khối lượng: 1.000 kg

+ PC/GF20% HM3022G20 GY (4348A), khối lượng: 2.000 kg;

Tổng trị giá  $3.000 \text{ kg} \times 93.000\text{đ/kg} = 279.000.000\text{đ}$ ; Tuy nhiên Công ty ETF chưa xuất hóa đơn GTGT đối với số hạt nhựa này thì vụ việc bị Công ty Glonics phát hiện nên không chuyển tiền thanh toán cho hóa đơn số 000051 ngày 29/5/2019.

Sau khi nhận tiền từ N, H đã chuyển khoản cho H6 03 lần với tổng số tiền 96.000.000đ và chuyển cho K 04 lần với tổng số tiền 77.000.000đ. Số tiền còn lại H sử dụng chi tiêu cá nhân là: 758.000.000đ.

Khoảng giữa tháng 6/2019, N được Công ty Glonics mời đến làm việc và thông báo sai phạm của H, N thừa nhận đã giúp H mua không hóa đơn như trên và đồng ý giao trả số tiền còn lưu giữ. Tại buổi làm việc với Công ty Glonics ngày 08/7/2019, N đã giao lại cho công ty Glonics số tiền 1.200.000.000đ; H đã tự giao nộp số tiền 800.000.000 đồng, H6 đã nộp số tiền 200.000.000 đồng và K đã nộp số tiền 200.000.000 đồng cho Công ty Glonics. Tổng cộng số tiền các đối tượng đã nộp là 2.400.000.000 đồng (nhiều hơn số tiền Công ty Glonics bị chiếm đoạt là: 260.940.000đ). Ngày 05/12/2019 theo đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công ty Glonics đã chuyển số tiền 400 triệu đồng từ số tiền đã thu của các đối tượng trên vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra để phục vụ việc điều tra vụ án. Ngày 30/10/2019, N giao nộp 8.060.000 đồng (là số tiền N được hưởng khi xuất hóa đơn không cho H) cho Cơ quan điều tra để phục vụ điều tra xử lý vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số 1296/KL-KTHS ngày 25/9/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận chữ viết trên 02 bản tường trình của Nguyễn Tiến H6, Vũ Văn K (A1-H, A2-K) với chữ viết trong hồ sơ xin việc là do cùng một người viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 1325/KL-KTHS ngày 27/9/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận chữ ký, chữ viết tên trong chứng từ quyết toán với chữ ký, chữ viết tên của Tạ Thị H là do cùng một người ký, viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 08/7/2019, Tạ Thị H đã nộp 800.000.000đ, Nguyễn Tiến H6 và Vũ Văn K mỗi người nộp 200.000.000đ, Nguyễn Xuân N giao nộp số tiền 1.200.000.000đ cho Công ty Glonics.

Vật chứng của vụ án:

- Công ty Glonics nộp cho Cơ quan điều tra 400.000.000đ, là số tiền trong tổng số tiền các bị cáo nộp cho công ty.

- Nguyễn Xuân N giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 8.060.000đ. Hiện số tiền đang được bảo quản tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại cơ quan điều tra, Tạ Thị H, Vũ Văn K và Nguyễn Tiến H6 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, người có liên quan, bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 05/CT – VKS (P2), ngày 01/02/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Tạ Thị H, Vũ Văn K và Nguyễn Tiến H6 về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Tạ Thị H, Vũ Văn K và Nguyễn Tiến H6 phạm tội “Tham ô tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tạ Thị H từ 19 đến 20 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn K từ 12 đến 13 năm tù.

- Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H6 từ 8 đến 9 năm tù.

Cấm các bị cáo Tạ Thị H, Vũ Văn K và Nguyễn Tiến H6 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội từ 01 đến 02 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bổ sung mỗi bị cáo 30.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, các bị cáo H, Khá, H đã nộp số tiền 1.200.000.000đ, anh Vũ Xuân N đã nộp số tiền 1.200.000.000đ. Tổng cộng là 2.400.000.000đ. Công ty đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền: 400.000.000đ. Đại diện bị hại đề nghị giải quyết việc bồi thường theo quy định của pháp luật. Căn cứ tổng số tiền bị thiệt hại là 2.139.060.000đ. Công ty đã nhận số tiền 2.000.000.000đ, Vì vậy cần trả cho Công ty Glonics số tiền 139.060.000đ (trong tổng số tiền 400.000.000đ công ty đã giao nộp cho Cơ quan điều tra).

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền 400.000.000 đồng do Công ty TNHH Glonics giao nộp cho Cơ quan điều tra:

- + Trả cho Công ty TNHH Glonics số tiền 139.060.000đ.

- + Số tiền còn lại là 260.940.000đ do các bị cáo nộp thừa cần trả lại cho các bị cáo nhưng do các bị cáo bị phạt bổ sung là phạt tiền nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án, cụ thể như sau: Tạm giữ của Tạ Thị H số tiền 33.940.000đ; Tạm giữ của Vũ Văn K số tiền 123.000.000đ; Tạm giữ của Nguyễn Tiến H6 104.000.000đ.

- Đối với số tiền 8.060.000đ (do Nguyễn Xuân N nộp tại CQĐT) là số tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Tạ Thị H: Trong vụ án này, các bị cáo không chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý, do vậy hành vi của các bị cáo không thỏa mãn dấu hiệu của tội tham ô tài sản. Tài sản các bị cáo có quyền quản lý là nguyên vật liệu sản xuất, các bị cáo thống nhất với nhau tạo ra hồ sơ giả để lừa dối bộ phận kế toán và lãnh đạo công ty để chuyển tiền đi nơi khác với mục đích chiếm đoạt. Các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản là tiền của công ty Glonics đang do phòng kế toán quản lý, không phải là nguyên liệu (hạt nhựa nguyên sinh) do các bị cáo có quyền quản lý. Việc dùng nguyên liệu sản xuất dư thừa để phạm tội chỉ là thủ đoạn, phương tiện để đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản là tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Nếu như vẫn xét xử các bị cáo về tội Tham ô tài sản thì đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H quy định tại điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án khởi điểm của khung hình phạt liền kề mà bị cáo bị truy tố, để bị cáo yên tâm cải tạo tốt. Đối với số tiền bị cáo nộp thừa đề nghị trả lại cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Tiến H6 và Vũ Văn K: Xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với các bị cáo về tội “Tham ô tài sản”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho đơn vị bị hại, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng. Cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Về số tiền bồi thường do các bị cáo đã nộp thừa đề nghị trả lại cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với Luật sư bào chữa cho bị cáo H: Trong vụ án này, các bị cáo có quyền quản lý tài sản (là nguyên vật liệu sản xuất). Bị cáo H là người được công ty giao nhiệm vụ là mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Trên cơ sở biết được số hạt nhựa dư thừa, bị cáo đã cùng với bị cáo Khá, H6 lập chứng từ để mua khổng lượng hạt nhựa tương đương với số hạt nhựa dư thừa, mục đích để công ty chuyển tiền ra bên ngoài sau đó bị cáo chiếm đoạt tiền, nếu không có số hạt nhựa dư thừa đó, bị cáo H và các bị cáo khác không thể chiếm đoạt được tiền của công ty, vì vậy truy tố các bị cáo về tội Tham ô tài sản là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về chăm sóc gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy



định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292; 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của đại diện bị hại, lời khai của người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Tạ Thị H, Nguyễn Tiến H6 và Vũ Văn K là nhân viên của Công ty Glonics có trụ sở tại phường PX, thành phố TN. H là nhân viên mua hàng được giao nhiệm vụ mua hàng là các hạt nhựa nguyên sinh, H6 là Phó phòng phụ trách nguyên liệu của xưởng ép nhựa có nhiệm vụ tính toán lượng hạt nhựa cần thiết để đưa vào sản xuất, Khá có nhiệm vụ xuất, nhập hạt nhựa, quản lý hạt nhựa của công ty. Từ tháng 3 đến tháng 6/2019 lợi dụng việc kho của K có dư thừa hạt nhựa, H, H6, Khá đã thống nhất cùng nhau thực hiện việc tạo lập chứng từ thanh toán khống việc mua nguyên liệu sản xuất là các loại hạt nhựa nguyên sinh và đã chiếm đoạt tiền thanh toán của Công ty Glonics với tổng số tiền là **2.139.060.000đ**. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, H đã chia cho Vũ Văn K số tiền là 77.000.000đ, chia cho Nguyễn Tiến H6 số tiền 96.000.000đ, H sử dụng số tiền 758.000.000 đồng. Ngày 08/7/2019, sau khi bị Công ty Glonics phát hiện, H, Khá, H6 và người có liên quan là N đã giao nộp tổng số tiền 2.400.000.000đ cho Công ty Glonics.

Với hành vi nêu trên, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo Tạ Thị H, Vũ Văn K và Nguyễn Tiến H6 về tội “Tham ô tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều luật quy định như sau:

Điều 353. Tội Tham ô tài sản

*“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*a)....*

*b)....*

*2....*

*4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân, hoặc tử hình:*

*a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên” ;*

*5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp, được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư của nước ngoài tại địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo thấy:

Bị cáo Tạ Thị H là người khởi xướng, tích cực thực hiện tội phạm, số tiền bị cáo được hưởng lợi cũng nhiều nhất nên vai trò của H là cao nhất.

Đối với Vũ Văn K là thủ kho, là người trực tiếp quản lý số hạt nhựa, quản lý việc xuất, nhập hạt nhựa trong kho, nếu không có Khá, H không thực hiện được tội phạm nên vai trò của Khá đứng thứ hai trong vụ án.

Đối với H6, là Phó phòng phụ trách nguyên, vật liệu của xưởng ép nhựa, nhiệm vụ của H6 là tính toán số lượng hạt nhựa cần sử dụng một ngày trên định mức đã được quy định sẵn, H6 biết là với định mức như vậy sẽ có thừa hạt nhựa nhưng vì được H cho tiền nên đã không báo cáo với công ty, nên H6 có vai trò thứ ba trong vụ án.

Khi xem xét quyết định hình phạt cần xem xét vai trò của từng bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau khi vụ việc bị phát hiện, các bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền để bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H hiện tại đang có thai nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo Khá, H6 sau khi phạm tội đã ra Cơ quan Công an đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Tiến H6 trong quá trình được tại ngoại tại địa phương, ngày 21/02/2021 đã vận động đối tượng Dương Văn H5, sinh năm 1999, trú tại huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên đã có hành vi giết người ra Công an huyện Đại Từ để tự thú, được Công an huyện Đại Từ xác nhận nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, *“người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm...”*. Các bị cáo H, Khá, H6 đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phạm tội 02 lần trở lên.

Trong vụ án này, các bị cáo đều có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi vụ việc bị phát hiện các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại để khắc phục hậu quả, xét thấy có căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Khá và bị cáo H6 để quyết định hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo H và bị cáo K có phần nghiêm khắc.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho các bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Luật sư bào chữa cho bị cáo H đề nghị xem xét lại tội danh đối với bị cáo Tạ Thị H, xét thấy không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tổng số tiền bị thiệt hại theo tài liệu điều tra đã thu thập được xác định là 2.139.060.000đ, quá trình điều tra các bị cáo đã nộp số tiền 1.200.000.000đ; trong đó bị cáo H nộp số tiền 800.000.000đ; bị cáo H6 và K mỗi người nộp 200.000.000đ; Nguyễn Xuân N đã nộp số tiền 1.200.000.000đ.

Tại phiên tòa đại diện bị hại vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bồi thường theo quy định của pháp luật. Căn cứ tổng số tiền công ty bị thiệt hại là 2.139.060.000đ, quá trình điều tra các bị cáo đã nộp số tiền 1.200.000.000đ; Nguyễn Xuân N đã nộp số tiền 1.200.000.000đ. Công ty đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra số tiền 400.000.000đ. Vì vậy cần trả lại cho công ty Glonics số tiền 139.060.000đ. Đối với yêu cầu tính lãi suất, ngay sau khi vụ việc bị phát hiện các bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền để bồi thường nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của công ty.

[6]. Vật chứng vụ án: Trong số tiền 400.000.000đ do Công ty Glonics giao nộp tại Cơ quan điều tra cần trả cho công ty 139.060.000đ; số tiền còn lại là 260.940.000đ, đây là số tiền còn thừa sau khi các bị cáo đã nộp đủ số tiền gây thiệt hại cho công ty. Căn cứ vào số tiền các bị cáo được hưởng lợi và số tiền các bị cáo đã nộp cho công ty cần trả lại cho các bị cáo, cụ thể như sau: Trả lại cho bị cáo Tạ Thị H số tiền: 33.940.000đ; trả lại cho Vũ Văn K số tiền: 123.000.000đ; trả lại cho Nguyễn Tiến H6 số tiền: 104.000.000đ. Do các bị cáo còn bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nên cần tạm giữ toàn bộ số tiền của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 8.060.000đ do Nguyễn Xuân N đã giao nộp tại Cơ quan điều tra, đây là số tiền do H phạm tội mà có, vì vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự, cấm các bị cáo đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo thời hạn từ 01 đến 02 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù và phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Trong vụ án này: Nguyễn Xuân N nguyên là giám đốc Công ty TNHH ETF, là người đã cung cấp 02 hóa đơn GTGT cho Tạ Thị H và H đã sử dụng để chiếm đoạt số tiền 2.139.060.000đ của Công ty Glonics. Trong quá trình điều tra Tạ Thị H ban đầu khai N không biết việc H làm khống chứng từ và có mục đích chiếm đoạt tiền của Công ty Glonics, nhưng sau H thay đổi lời khai xác định N có biết mục đích chiếm đoạt tiền của H và giúp sức cho H thực hiện, đối với Nguyễn

Xuân N không thừa nhận lời khai của H. N khai việc N cung cấp hóa đơn không cho H trên cơ sở quen biết lẫn nhau và nể nang trong quan hệ bạn hàng mua bán. Đồng thời trước khi N cung cấp hóa đơn cho H, N khai H thực hiện theo chỉ đạo của công ty để giải quyết số hàng dư thừa, tin tưởng lời nói của H là thật nên N đã làm theo. Quá trình giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung để Cơ quan điều tra làm rõ hành vi của N có đồng phạm với Tạ Thị H hay không. Trên cơ sở điều tra xác định không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh lời khai của H là có căn cứ nên hiện chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý N với vai trò đồng phạm với Tạ Thị H.

Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ xác định Nguyễn Xuân N đồng phạm với Tạ Thị H thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với hành vi của Nguyễn Xuân N xuất không 03 hóa đơn GTGT và được hưởng lợi 8.060.000đ là vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra đã đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét xử lý hành chính về hành vi trên là phù hợp.

Đối với số hạt nhựa các đối tượng đã làm thủ tục xác nhận nhập không vào tháng 5/2019 và tháng 6/2019 có tổng khối lượng là 4.000kg, trị giá: 556.200.000đ nhưng do Công ty Glonics chưa chuyển khoản thanh toán, chưa bị chiếm đoạt nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về hành vi này.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;*

**Tuyên bố:** Các bị cáo Tạ Thị H, Vũ Văn K và Nguyễn Tiến H6 phạm tội: “*Tham ô tài sản*”.

### **I. Về hình phạt:**

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tạ Thị H 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn K 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2020.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H6 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2020 đến ngày 09/9/2020.

4. Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự: Cấm các bị cáo Tạ Thị H, Vũ Văn K và Nguyễn Tiến H6 đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội 01 (một) năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bổ sung các bị cáo Tạ Thị H, Vũ Văn K và Nguyễn Tiến H6, mỗi bị cáo 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Vũ Văn K 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

**II. Vật chứng vụ án:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả cho công ty Công ty TNHH Glonics Việt Nam số tiền 139.060.000đ (một trăm ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Tạm giữ: Của Tạ Thị H số tiền: 33.940.000đ; của Vũ Văn K số tiền: 123.000.000đ; của Nguyễn Tiến H6 số tiền: 104.000.000đ để đảm bảo thi hành án

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.060.000đ (tám triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)

*(Số tiền theo ủy nhiệm chi số 85 ngày 02/02/2021 của kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên)*

**III. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí: Buộc các bị cáo Tạ Thị H, Vũ Văn K, Nguyễn Tiến H6, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

**Đặng Minh Tuân**